

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH : TIN HỌC QUẢN LÝ

NGÀNH ĐÀO TẠO : HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY – HỌC CHẾ TÍN CHỈ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

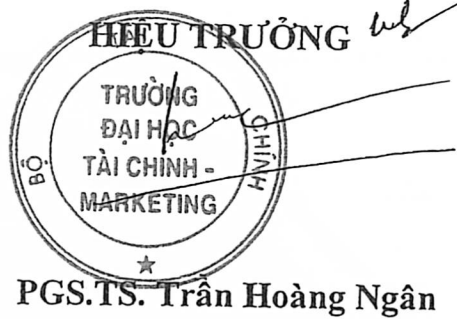
Tháng 10/2015

Điều 2. Các Chương trình đào tạo đại học này được áp dụng, thực hiện từ năm học 2015-2016.

Điều 3. Trường Phòng Quản lý khoa học, Trường phòng Quản lý Đào Tạo và Trường các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT, Bộ Tài chính
(để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu QLKH, VT.



PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 1518/QĐ-ĐHTCM, ngày 19/10/2015
của Hiệu trưởng trường Đại Học Tài Chính - Marketing)*

Tên chương trình : **Tin học Quản lý (Management Informatics)**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)**
Mã ngành đào tạo : **52340405**
Loại hình đào tạo : **Chính quy – Học chế tín chỉ**

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ;
- Thông tư số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”;
- Quyết định số: 378/TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2015 – 2017”;
- Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012 của trường Đại học Tài Chính – Marketing quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ;
- Thông báo số: 889/ĐHTCM-QLKH ngày 16/09/2015 của trường Đại học Tài Chính – Marketing về chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ đại học.

1.2. Căn cứ thực tiễn:

- Chương trình đào tạo trong nước: đã tham khảo chương trình của các trường đại học Hoa Sen, đại học Kinh tế - Luật, đại học Ngân hàng;
- Chương trình đào tạo của các trường đại học nước ngoài: University of Houston, The Help University, University of Georgia, Bellevue University, Singapore Management University (SMU);
- Ý kiến của doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, công ty cổ phần phần mềm Bravo, công ty TNHH Lối Việt, Công ty TNHH Fsmart, Công ty cổ phần Sài Gòn Tâm Điểm ...
- Phiếu khảo sát ý kiến của cựu sinh viên.

1.3. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo:

- Căn cứ biên bản của Ban xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2015 của khoa Công nghệ thông tin ngày 14/05/2015 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hội nghị xây dựng chương trình đào tạo trường Đại học Tài Chính – Marketing).
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học khoa Công nghệ thông tin ngày 12/05/2014 về việc đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2015.
- Hội thảo "Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin và hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp" tổ chức ngày 28/07/2015 và góp ý chương trình đào tạo với 7 doanh nghiệp tham gia góp ý
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học trường Đại học Tài Chính – Marketing ngày 31/08/2015 về việc đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2015.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo những cử nhân trình độ đại học có phẩm chất chính trị, năng lực tư duy và đạo đức nghề nghiệp; có phương pháp và kỹ năng làm việc phù hợp trong lĩnh vực hệ thống thông tin; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tin học, ngoại ngữ; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống thông tin; có khả năng hoạch định, tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng, triển khai và quản trị hệ thống thông tin của các tổ chức và doanh nghiệp, quản trị và khai thác các kho dữ liệu lớn. Chuyên môn nghiệp vụ được hướng vào bốn lĩnh vực chính theo lựa chọn của người học gồm:

- Hướng nghiên cứu về Hệ thống thông tin quản lý;

- Hướng nghiên cứu về Thương mại điện tử;
- Hướng nghiên cứu về Công nghệ phần mềm;
- Hướng nghiên cứu về Thống kê dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Về kiến thức

- **Khối kiến thức giáo dục đại cương:** cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, xã hội nhân văn, kinh tế, quản trị học, ngoại ngữ, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và quản trị hệ thống thông tin.
- **Khối kiến thức chuyên ngành:** cung cấp kiến thức chuyên sâu phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin; kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu; tổ chức kho dữ liệu, khai thác dữ liệu liên quan đến các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính; quản lý các đề án, dự án và nhóm đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin; các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và kiến thức về lập trình ứng dụng trên thiết bị di động.
- **Khối kiến thức bổ trợ:** người học được tự chọn kiến thức bổ sung theo từng khối ngành như: Quản trị kinh doanh, Thương mại, Kế toán, Marketing, Tài chính,...

2.2.2. Về kỹ năng

- Có năng lực hoạch định, xây dựng và điều hành các đề án hệ thống thông tin; phân tích, đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán liên quan lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính, hành chính và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tại cơ quan và doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
- Có năng lực tổ chức và phát triển các các hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), xây dựng và quản trị các hệ thống giao dịch thương mại và kinh doanh trực tuyến, quảng cáo trực tuyến (E-Marketing),...;
- Có năng lực về nghiên cứu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công việc phân tích, tổng hợp, lập và đề xuất giải pháp thiết kế hệ thống thông tin, quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống máy tính để giải quyết các nghiệp vụ xử lý và phân tích hoạt động kinh tế trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và thương mại điện tử;

- Có năng lực nghiên cứu độc lập, năng lực quản lý và làm việc theo nhóm để xây dựng và bảo trì các dự án công nghệ thông tin.

2.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, luôn tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn.
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau
- Có ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Tích cực tham gia các hoạt động phong trào.
- Có ý thức tham gia các hoạt động cộng đồng và có trách nhiệm với cộng đồng.
- Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp.

2.3. CHUẨN ĐẦU RA

Ngoại ngữ:

Với đối tượng là học sinh phổ thông có trình độ phổ biến tương đương chứng chỉ A Anh văn, sinh viên được trang bị 12 tín chỉ ngoại ngữ (tương đương 180 tiết), sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC 405 theo chuẩn quốc tế (IIG tổ chức thi và ETS cấp chứng chỉ).

Kỹ năng mềm:

Để vận dụng có hiệu quả kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt 4 trong 8 các kỹ năng gồm:

a) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Kỹ năng quản lý thời gian.
- Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

b) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc tìm và làm việc:

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định.
- Kỹ năng tìm việc.
- Kỹ năng khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

2.4. CÁC VỊ TRÍ CÔNG VIỆC CÓ THỂ ĐẢM NHẬN KHI TỐT NGHIỆP:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Chuyên viên hoạch định, tư vấn, điều hành và triển khai các dự án Hệ thống thông tin/Công nghệ thông tin (IS/IT Project manager).
- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ (BA - Business Analyst).
- Chuyên viên phân tích hệ thống (SA - System Analyst).
- Chuyên viên phát triển hệ thống thông tin (IS Developer).
- Chuyên viên quản trị hệ thống thông tin (IS Officer).
- Lập trình viên (Programmer).
- Chuyên viên nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin ở các viện, trung tâm, cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và phổ thông.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ (Tính bằng số tín chỉ)

Gồm 130 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng (3 tín chỉ) và các học phần kỹ năng mềm.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2014.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo:

Theo quy định đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Theo quy định tại Điều 29, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012, và quy định về chuẩn đầu ra của trường.
- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ TOEIC từ 405 trở lên hoặc tương đương (do IIG tổ chức và ETS cấp chứng chỉ quốc tế).

6.3. Khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp theo quy định ở Điều 27, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

7. THANG ĐIỂM

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định tại Điều 25, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương:33

33 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

8.1.1. Lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh 10 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
1	010633	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (The basic Principles of Marxism-Leninism 1)	2	30		HK1
2	010634	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (The basic Principles of Marxism-Leninism 2)	3	45		HK2
3	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	30		HK3
4	010017	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (Vietnam Communist Party's Revolutionary Policies)	3	45		HK4
TỔNG			10	150		

8.1.2. Khoa học xã hội: 3 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
5	010637	Pháp luật đại cương (General Laws)	3	45		HK3
		TỔNG	3	45		

8.1.3. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
6	010640	Anh văn 1 (English 1)	3	45		HK2
7	010022	Anh văn 2 (English 2)	3	45		HK3
8	010023	Anh văn 3 (English 3)	3	45		HK4
9	010024	Anh văn 4 (English 4)	3	45		HK5
		TỔNG	12	180		

8.1.4. Toán-Tin học-Khoa học TN-Công nghệ-Môi trường: 8 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
10	010025	Toán cao cấp (Advanced Maths)	4	60		HK1
11	010638	Tin học đại cương (Basic Informatics)	4	45	30	HK1
		TỔNG	8	105	30	

8.1.5. Giáo dục thể chất:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	

12		Giáo dục thể chất (Physical Training)	4			HK1,2,3,4
		TỔNG	4			

8.1.6. Giáo dục quốc phòng:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
13		Giáo dục quốc phòng (Military Training)	8			HK1
		TỔNG	8			

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp97 tín chỉ

8.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành: 6 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
14	010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics – Part 1)	3	45		HK1
15	010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics – Part 1)	3	45		HK2
		TỔNG	6	90		

8.2.2. Kiến thức của ngành chính:

8.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính..... 27 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
16	010038	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45		HK2
17	010033	Quản trị học (Management Studies)	3	45		HK3
18	010043	Toán rời rạc (Discrete Maths)	3	45		HK3

19	010045	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System)	3	30	30	HK4
20	010069	Cơ sở lập trình (Basic Programming)	3	30	30	HK1
21	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data Structure and Algorithm)	3	30	30	HK2
22	010071	Cơ sở dữ liệu (Databases)	3	30	30	HK3
23	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theories of Probability and statistics)	3	45		HK2
25	010030	Mô hình toán kinh tế (Econometrics Models)	3	45		HK4
TỔNG			27	345	120	

8.2.3. Kiến thức chuyên ngành: 50 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
26	010581	Phát triển hệ thống thông tin quản lý (Management Information System Development)	3	30	30	HK5
27	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP - Enterprise Resource Planning)	3	30	30	HK6
28	010688	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (SQL Server Database Management System)	3	30	30	HK4
29	010686	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle 1 (Oracle Database Management System – Part 1)	3	30	30	HK6
30	010687	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle 2 (Oracle Database Management System – Part 2)	2	15	30	HK7
31	010715	Lập trình C#.NET 1 (C# Programming – Part 1)	3	30	30	HK4

32	010716	Lập trình C#.NET 2 (C# Programming – Part 2)	2	15	30	HK5
33	010713	Lập trình ASP.NET 1 (ASP.NET Programming – Part 1)	3	30	30	HK5
34	010714	Lập trình ASP.NET 2 (ASP.NET Programming – Part 2)	2	15	30	HK6
35	010585	Lập trình Java (Java Programming)	3	30	30	HK6
36	010720	Lập trình trên thiết bị di động (Mobile Programming)	3	30	30	HK7
37	010648	An toàn thông tin (Information Security)	3	30	30	HK7
38	010592	Khai phá dữ liệu (Data Mining)	3	30	30	HK5
39	010590	Quản trị dự án phần mềm (Softwares Project Management)	3	30	30	HK6
40	010588	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (Object Oriented Analysis and Design)	3	30	30	HK7
40	010591	Điện toán đám mây (Cloud Computing)	3	30	30	Chọn 6 tín chỉ
41	010869	Thương mại điện tử (E-Commerce)	3	45		
42	010685	Hệ hỗ trợ ra quyết định (Decision Support System)	3	30	30	
43	010587	Lập trình PHP (PHP Programming)	3	30	30	
45	010589	Thực hành nghề nghiệp (Practicum)	2			HK7
TỔNG			50			

8.2.4. Kiến thức bổ trợ..... 6 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
46	010630	Nguyên lý Marketing (Principles of Marketing)	3	45		Chọn 2 trong 8
47	010145	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	3	45		
48	010697	Kế toán tài chính 1 (Finance Accounting – Part 1)	3	45		

49	010062	Quản trị nhân lực (Human Resource Management)	3	45		
50	010138	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	3	45		
51	010539	Internet Marketing	3	45		
52	010065	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	45		
53	010196	Quản trị bán hàng (SalesManagement)	3	45		
		TỔNG	6	90		

8.2.5. Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp..... 8 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
54	010605	Khóa luận tốt nghiệp (BS/BA Thesis)	8			
		TỔNG	8			

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

9.1. Học kỳ 1:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010025	Toán cao cấp	4	60		
2	010638	Tin học đại cương	4	45	30	
3	010069	Cơ sở lập trình	3	30	30	
4	010031	Kinh tế vi mô 1	3	45		
5	010634	Những NLCB của CNML 1	2	30		

6		Giáo dục thể chất	1			
7		Giáo dục quốc phòng	8			
		TỔNG CỘNG	15	210	60	

9.2. Học kỳ 2:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010640	Anh văn 1	3	45		
2	010634	Những NLCB của CNML 2	3	45		
3	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	45		
4	010038	Nguyên lý kế toán	3	45		
5	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30	
6	010026	Lý thuyết XS và TK toán	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
		TỔNG CỘNG	18	255	30	

9.3. Học kỳ 3:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010022	Anh văn 2	3	45		
2	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
3	010043	Toán rời rạc	3	45		
4	010033	Quản trị học	3	45		
5	010071	Cơ sở dữ liệu	3	30	30	

6	010637	Pháp luật đại cương	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
		TỔNG CỘNG	17	240	30	

9.4. Học kỳ 4:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010023	Anh văn 3	3	45		
2	010017	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	45		
3	010715	Lập trình C#.NET 1 (C# Programming – Part 1)	3	30	30	
4	010045	Hệ thống thông tin quản lý	3	30	30	
5	010688	Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	30	30	
6	010030	Mô hình toán kinh tế	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
		TỔNG CỘNG	18	225	90	

9.5. Học kỳ 5:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010024	Anh văn 4	3	45		
2	010716	Lập trình C#.NET 2 (C# Programming – Part 2)	2	15	30	
3	010713	Lập trình ASP.NET 1	3	30	30	
4	010581	Phát triển hệ thống thông tin quản	3	30	30	

		lý				
5	010592	Khai phá dữ liệu	3	30	30	
6	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)					
		Chọn theo nhóm kiến thức bổ trợ	3			Chọn 3 tín chỉ
		TỔNG CỘNG	17	150	120	

9.6. Học kỳ 6:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực DN	3	30	30	
2	010714	Lập trình ASP.NET2	2	15	30	
3	010585	Lập trình Java	3	30	30	
4	010686	Hệ quản trị CSDL Oracle 1	3	30	30	
5	010588	Phân tích và thiết kế HĐT	3	30	30	
6	Học phần tự chọn					
	010591	Điện toán đám mây	3	30	30	Chọn 3 tín chỉ
	010685	Hệ hỗ trợ ra quyết định (DSS)	3	30	30	
7	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)					
		Chọn theo nhóm kiến thức bổ trợ	3			Chọn 3 tín chỉ
		TỔNG CỘNG	20			

9.7. Học kỳ 7:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010687	Hệ quản trị CSDL Oracle 2	2	15	30	
2	010720	Lập trình trên thiết bị di động	3	30	30	
3	010648	An toàn thông tin	3	30	30	
4	010590	Quản trị dự án phần mềm	3	30	30	
5	010589	Thực hành nghề nghiệp	2			
6	Học phần tự chọn					
	010869	Thương mại điện tử	3	45		Chọn 3 tín chỉ
	010587	Lập trình PHP	3	30	30	
		TỔNG CỘNG	16			

9.8. Học kỳ 8:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1	010605	Thực tập & viết khóa luận TN	8			
		TỔNG CỘNG	8			

10. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN:

10.1. Những NLCB của CN Mác - Lênin (phần 1):

- Số tín chỉ: 2
- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên:
- Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần mở đầu bằng việc trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học. Bên cạnh đó học phần còn trang bị cho

người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: không
- Các học phần học trước: không
- Các học phần học song hành: không
- Các yêu cầu khác đối với học phần: không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 20
- Thảo luận: 10
- Tự học: 60

10.2. Những NLCB của CN Mác - Lênin (phần 2):

- Số tín chỉ: 3
- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên:
- Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bao gồm 6 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội; khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1
- Các học phần học trước: không
- Các học phần học song hành: không
- Các yêu cầu khác đối với học phần: không

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 30
- Thảo luận: 15
- Tự học: 90

10.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Số tín chỉ: 3
- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên:
- Là một trong 03 môn lý luận chính trị dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Qua đó xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Đã học xong môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và môn tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Các học phần song hành: Không.
- Các yêu cầu các đối với học phần: Không
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
- Làm bài tập trên lớp: Không
- Thảo luận: 10 tiết
- Thực hành, thực tập: 05 (tham quan thực tế tại Bảo tàng Chứng tích chiến tranh)
- Hoạt động theo nhóm: 10 tiết (tự nghiên cứu theo nhóm)
- Tự học: 90 tiết

10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh:

- Số tín chỉ: 2

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: Tất cả các chuyên ngành; Bậc đào tạo: Đại học. Hình thức đào tạo chính quy, vừa học vừa làm
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Đã học xong môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
- Nghe giảng lý thuyết: 20
- Thảo luận: 10
- Tự học: 60 tiết
- Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể là: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, nhân văn.

10.5. Pháp luật đại cương 3

- Số tín chỉ: 3
- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về Bộ máy nhà nước và Pháp luật Việt Nam, giúp sinh viên nhận diện được bức tranh tổng thể về những vấn đề liên quan đến cơ chế điều chỉnh của Pháp luật và tóm lược các lĩnh vực đời sống mà Pháp luật điều chỉnh. Qua đó, giúp sinh viên tự hoàn thiện bản thân, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong đời sống sinh hoạt hằng ngày và trong quá trình công tác sau khi tốt nghiệp.
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

10.6. Anh văn căn bản 1

- Số tín chỉ: 3

10.7. Anh văn căn bản 2

- Số tín chỉ: 3

10.8. Anh văn căn bản 3

- Số tín chỉ: 3

10.9. Anh văn căn bản 4

- Số tín chỉ: 3

10.10. Toán cao cấp

- Số tín chỉ: 4
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mô tả môn học: Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian véctơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

10.11. Tin học đại cương

- Số tín chỉ: 4
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến các khối kiến thức: Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; Soạn thảo văn bản với MS. Word; Xử lý bảng tính với MS. Excel; Trình diễn với PowerPoint; Internet và MS. Office Outlook (phiên bản từ 2010 trở về sau); Phần mềm tiện ích và bảo mật. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua MS. Office Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật phục vụ học tập và làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp
- Tài liệu tham khảo:
- Trần Minh Tùng, Trương Đình Hải Thụy, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Trọng Hiếu, Trần Thanh San, Lâm

Hoàng Trúc Mai, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, *Giáo trình Tin học đại cương – tái bản lần 3*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2015.

- Joan Preppernau and Joyce Cox, *Windows 7 Step by Step*, Microsoft Press, 2010
- Moffat Stephen, *Excel 2010 Introduction Part I*, Stephen Moffat & Ventus Publishing ApS, 2011. ISBN 978-87-7681-804-3.
- Maffat Stephen, *World 2010 Advanced*, The Mouse Training Company, 2010.
- Microsoft Vietnam, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Power Point 2010*.

10.12. Kinh tế vi mô I

- Số tín chỉ: 3
- Học phần học trước: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật của cung, quy luật của cầu. Học phần còn đề cập đến hành vi của các cá nhân trong nền kinh tế: người tiêu dùng và người sản xuất. Học phần cũng sẽ giới thiệu cách ra quyết định phối hợp các nguồn lực đầu vào hay quyết định sản lượng của nhà sản xuất trong từng cấu trúc thị trường. Qua đó, sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

10.13. Kinh tế vĩ mô I

- Số tín chỉ: 3
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1.
- Học phần này nhằm giới thiệu những chỉ tiêu cơ bản để đo lường tổng thể nền kinh tế, như: tổng sản phẩm nội địa, tổng thu nhập quốc gia, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất thị trường, cán cân thanh toán, cán cân ngân sách, tỉ giá hối đoái, . . . và nghiên cứu chúng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Từ đó, giới thiệu các chính sách mà chính phủ các quốc gia sử dụng để điều tiết nền kinh tế, như: chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương, chính sách tỉ giá hối đoái, . .

10.14. Nguyên lý kế toán

- Số tín chỉ: 3

- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô
- Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán. Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập; ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.
- Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về kế toán, nắm khái quát được Chế độ kế toán Việt Nam, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán trong các loại hình doanh nghiệp. Sử dụng được các phương pháp kế toán để thực hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các định khoản, vào tài khoản chữ T, lập bảng cân đối tài khoản, và một số báo cáo tài chính cơ bản. Vận dụng được những kiến thức đã được học bổ trợ cho các môn học chuyên ngành và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.
- Tên các chương trong học phần
- Chương 1: Tổng quan về kế toán
- Chương 2: Phương pháp tổng hợp – cân đối kế toán
- Chương 3: Tài khoản và ghi sổ kép
- Chương 4: Tính giá các đối tượng kế toán
- Chương 5: Kế toán quá trình kinh doanh căn bản
- Chương 6: Chứng từ kế toán và kiểm kê
- Chương 7: Sổ sách và hình thức kế toán
- Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính
- Giáo trình “Nguyên lý kế toán” của Khoa Kế toán - Kiểm toán.
- Đề cương bài giảng “Nguyên lý kế toán” dành cho chương trình chất lượng cao
- Sách “Bài tập nguyên lý kế toán” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Accounting Principles 10e, Jerry J. Weygandt (2012), John Wiley & Son Inc.

10.15. Quản trị học

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị và cách vận dụng thực tiễn ở doanh nghiệp như: Khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết cổ điển và hiện đại về quản trị; quá trình ra quyết định, hệ thống thông tin trong quản trị, các chức năng về quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo/điều hành, kiểm tra/kiểm soát. Học phần cũng cung cấp những kiến thức thiết yếu khác như: quản trị sự đổi mới, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

10.16. Toán rời rạc

- Số tín chỉ: 3
- Tên Tiếng Anh: Discrete Mathematics
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, ở cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Học phần sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”, nhờ vậy sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Tài liệu tham khảo:
- Đặng Huy Nhuận, Lý thuyết đồ thị và ứng dụng, NXB KHKH 2001.
- Đinh Ngọc Thanh, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Trung Đông, Nguyễn Duy Nhất, Toán Rời Rạc (lưu hành nội bộ), 2013.
- Đỗ Đức Giáo, Toán rời rạc, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2000.
- Nguyễn Hữu Anh, Toán rời rạc, NXB Giáo dục 1999.
- Phạm Văn Thiều, Đặng Hữu Thịnh (dịch), Toán rời rạc ứng dụng trong tin học, NXB Khoa học kỹ thuật 2003

10.17. Hệ thống thông tin quản lý

- Tên Tiếng Anh: Management Information System

- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức tin học và kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan lĩnh vực kinh tế; Cách tiếp cận khảo sát hiện trạng và nhu cầu; Kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, cách thiết kế các mô hình dòng dữ liệu, sơ đồ phân cấp chức năng, sơ đồ khối, quy trình nghiệp vụ; Mức độ tin học hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp; Cách thức tổ chức, xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp. Phân loại các hệ thống thông tin và tầm quan trọng của chất lượng dữ liệu đối với các hệ thống thông tin quản lý. Thực hành thành thạo trên phần mềm chuyên dụng.
- Tài liệu tham khảo:

- [1] Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống thông tin quản lý*, 2014.
- [2] Mac GrawHill, *Management Information System*, 2012.
- [3] Stephen R.Chach, *Object – Oriented Analysis and Design with UML and the Unified process*, McGraw –Hill, 2004.
- [4] Thomson Corp, *Management Information Systems*, 2005.

10.18. Cơ sở lập trình

- Tên Tiếng Anh: Basic Programming
- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho máy tính điện tử. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật lập trình căn bản để giải các bài toán quản lý mà đặc biệt là kỹ thuật thiết kế “trên xuống (Top – Down Design)” và kỹ thuật lập chương trình con. Một ngôn ngữ lập trình thông dụng sẽ được dùng làm phương tiện để trình bày.
- Tài liệu tham khảo:

- [1]Phạm Thủy Tú, Trần Trọng Hiếu, *Bài giảng Cơ sở lập trình*, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2014.
- [2]Herbert Schildt, *C++ A Beginner's Guide*, Osborne/McGraw Hill, 2012.

10.19. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

- Tên Tiếng Anh: Data Structure and Algorithm
- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức và tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu. Các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy. Các kiểu cấu trúc dữ liệu được nghiên cứu bao gồm: Danh sách (List), Mảng (Array), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack), Hàng đợi (Queue), Cây (Tree) và Đồ thị (Graph).
- Tài liệu tham khảo:

[1] Phạm Thủy Tú, *Bài giảng Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2013.

[2] Kurt Mehlhorn & Peter Sanders, *Data Structures and Alogorithm*, 2008.

10.20. Cơ sở dữ liệu

- Tên Tiếng Anh: Databases
- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kỹ năng thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL). Mô hình quan hệ và đại số quan hệ. Ràng buộc toàn vẹn và lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu. Cách tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL và cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu trên nền SQL Server.
- Tài liệu tham khảo:

[1] David Maier, *The Theory of Relational Databases*.

[2] Đỗ Trung Tuấn, *Cơ sở dữ liệu*.

[3] Đồng Thị Bích Thủy, Nguyễn An Tế, *Nhập môn cơ sở dữ liệu*.

[4] Lê Tiến Vương, *Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2000.

[5] Nguyễn Bá Tường, *Cơ sở dữ liệu – lý thuyết và thực hành*.

[6] Nguyễn Xuân Huy, Lê Hoài Bắc, *Bài tập cơ sở dữ liệu*, Nhà xuất bản Thống kê, 2003

[7] Trần Minh Tùng, *Bài giảng Cơ sở dữ liệu*, 2014.

10.21. Lý thuyết xác suất và thống kê toán

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Tin học đại cương.
- Mô tả môn học: Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

10.22. Mô hình toán kinh tế

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán.
- Mô tả môn học : Nội dung học phần đề cập đến việc giới thiệu, phân loại một số mô hình ứng dụng trong kinh tế. Các mô hình phân tích định lượng, mô hình tối ưu, đối với người sản xuất và tiêu dùng, bài toán quy hoạch tuyến tính, mô hình phức cụ đám đông, mô hình Input/Output giữa các ngành trong nền kinh tế. Thông qua việc thiết lập, phân tích các mô hình toán tương ứng với một số lĩnh vực hoạt động kinh tế người học có thể trực tiếp áp dụng đối với các tình huống tương tự trong thực tiễn, từ đó có thể đưa ra được những quyết định cụ thể trong kinh tế và quản trị kinh doanh. Việc giải và mô phỏng bằng số các mô hình có thể được hỗ trợ bởi các phần mềm tính toán như Excel, phần mềm R.

10.23. Phát triển hệ thống thông tin quản lý

- Tên Tiếng Anh: Management Information System Developer
- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp kiến thức và phương pháp phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán ứng dụng liên quan đến lĩnh vực kinh tế; Các phương pháp khảo sát hiện trạng và yêu cầu khi xây dựng một hệ thống thông tin quản lý; Cách tiếp cận để phân tích, thiết kế và cài đặt cơ sở dữ liệu trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau như: SQL

Server, Oracle, mySQL,... dựa trên kết quả khảo sát hiện trạng và yêu cầu nhằm đạt mục tiêu đề ra khi tin học hóa các hệ thống thông tin quản lý trong môi trường nhiều người dùng; Cách phát hiện và cài đặt các ràng buộc toàn vẹn; Cách tiếp cận khi phân tích, thiết kế và mô hình xử lý.

– Tài liệu tham khảo:

- [1]. Elmasri, Navathe, *Fundamentals of Database Systems*, Addison Wesley, 2003.
- [2]. Morgan Kaufmann, *Database Design: Know It All*, 2003.
- [3]. Nguyễn Văn Ba, *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- [4]. Sikha Bagui, Richard Earp, *Database Design Using Entity-Relationship Diagrams*, Auerbach, 2003.
- [5]. Ramakrishnan, *Database Management Systems*, McGraw-Hill, 2003.
- [6]. Rebecca M. Riordan, *Designing Relational Database Systems*, Microsoft Press, 1999

10.24. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

- Tên Tiếng Anh: Enterprise Resource Planning(ERP).
- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị học
- Mục tiêu đào tạo học phần: học phần này cung cấp những khái niệm chủ chốt trong lĩnh vực ERP, quá trình triển khai ERP cho một doanh nghiệp và sự tích hợp các qui trình kinh doanh vào Hệ thống ERP; Từ đó, sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động (lĩnh vực nghề nghiệp) của một công ty triển khai ERP như Tư vấn nghiệp vụ (Business consultant), Tư vấn kỹ thuật (Technical consultant), Phân tích hệ thống (Business Analyst), Customer training... cũng như tham gia vào các hoạt động quản trị một Hệ thống ERP đã được triển khai (vai trò như một chuyên viên IT của doanh nghiệp) như Chuyên viên kỹ thuật, Chuyên viên Quản trị hệ thống,....
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] *Bài giảng Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp*, khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Tài chính – Marketing
 - [2] Simha R. Magal, Jeffrey Word, *Integrated Business processes with ERP Systems*, WILEY, 2011.

- [3] Ralph M. Stair, Geogre W. Reynolds, *Principles of Information Systems – A Managerial Approach*, Ninth edition, 2010

10.25. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server

- Tên Tiếng Anh: Database Management System SQL Server
- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: các tính năng, tiện ích và cơ chế đăng nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server; Cách tạo chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm; Cách thiết lập kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Quản lý truy xuất dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Các cơ chế khóa và quản lý giao dịch; Sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng.

- Tài liệu tham khảo:

- [1]. Andrew J. (Andy) Oppel, FPT Polytechnic (dịch), *Nhập môn cơ sở dữ liệu*, NXB Tri thức, 2013.
- [2]. Dương Tuấn Anh, Nguyễn Trung Trực, *Hệ cơ sở dữ liệu*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2009.
- [3]. George Peck, *Microsoft SQL Server 2008 Step by Step*, Microsoft Press, 2008.
- [4]. Stacia Misner, *Microsoft SQL Server 2008 Reporting Services Step by Step*, Microsoft Press, 2009.
- [5]. Trần Minh Tùng, Trần Thanh San, *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server*, 2014.

10.26. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle:

- Tên tiếng Anh: Oracle Database Management System
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Được trang bị các kiến thức chuyên sâu về kiến trúc hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, truy xuất cơ sở dữ liệu đồng thời, thiết lập kết nối theo mô hình máy trạm/ máy chủ (client/server); Cấu trúc cơ sở dữ liệu Oracle; Ngôn ngữ truy vấn PL/SQL; cú pháp các câu lệnh tạo và hủy khung nhìn, thủ tục, hàm và gói. Cấu trúc các khối lệnh bên trong mỗi câu lệnh cùng với những ưu điểm khi người dùng truy xuất dữ liệu thông qua các đối tượng

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về mã nguồn mở phổ biến trong thiết kế Web; cấu trúc thiết kế Web với PHP; các toán tử, cấu trúc điều khiển và các ông cụ thiết kế Web và quản lý với cơ sở dữ liệu mã nguồn mở MySQL; thiết kế máy Apache.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Kevin Tatroe, *Programming PHP*, O'Reilly Media, 2013
 - [2]. Kevin Tatroe, Peter MacIntyre, Rasmus Lerdorf, *Programming PHP Edition Creating Dynamic Web Pages*, O'Reilly Media, 2013.
 - [3]. Robin Nixon, *Learning PHP, MySQL & JavaScript: With jQuery, CSS & HTML5*, 2014.
 - [4]. Lê Đình Ngân, Trương Xuân Hương, *Bài giảng Lập trình PHP*, Công nghệ Thông tin – Trường ĐH Tài chính - Marketing.

10.41. Nguyên lý Marketing

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô
- Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về Marketing và vận dụng chúng vào trong hoạt động của doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing, thị trường và hành vi người tiêu dùng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, chiến lược và chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối và chiêu thị.

10.42. Quản trị quan hệ khách hàng

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Bán hàng căn bản, Giao tiếp trong kinh doanh.
- Mô tả học phần: Môn học quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động chăm sóc khách hàng. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng

của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

10.43. Kế toán tài chính 1

- Tên tiếng Anh: Financial Accounting – Part 1
- Số tín chỉ: 3 (45LT)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Mục tiêu đào tạo: học phần cung cấp cho sinh viên các đặc điểm, yêu cầu quản lý cũng như các nguyên tắc, quy định kế toán theo chuẩn mực kế toán và theo chế độ kế toán liên quan đến các đối tượng kế toán cơ bản trong doanh nghiệp: Vốn bằng tiền; Các khoản phải thu, các khoản ứng trước; Hàng tồn kho; TSCĐ và bất động sản đầu tư; Nợ phải trả; Vốn chủ sở hữu; Doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua học phần này, sinh viên hiểu và phân tích được ảnh hưởng của một số chuẩn mực kế toán Việt Nam đến các khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính, trên cơ sở có đối chiếu với chuẩn mực kế toán quốc tế. Có kiến thức về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp đối với các nghiệp vụ cơ bản; Hiểu và giải thích được sự khác biệt giữa số liệu theo chuẩn mực kế toán với số liệu theo quy định thuế trong các phần hành kế toán có liên quan. Có kiến thức cơ bản về việc tổ chức công tác chứng từ và ghi sổ kế toán tương ứng với từng phần hành kế toán.
- Các chương trong học phần
 - + Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán tài chính
 - + Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và các khoản ứng trước
 - + Chương 3: Kế toán hàng tồn kho
 - + Chương 4: Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư
 - + Chương 5: Kế toán nợ phải trả
 - + Chương 6: Kế toán vốn chủ sở hữu
 - + Chương 7: Kế toán doanh thu, thu nhập khác, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính
 - + Tài liệu “Kế toán tài chính 1” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.

- + Tài liệu “Bài tập kế toán tài chính 1” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.
- + Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp
- + Giáo trình Kế toán tài chính Phần 1 và 2 – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - NXB Lao Động - TP. HCM, 2011.
- + Financial Accounting Ninth Edition, Jerry J. Weygandt (2013), Wiley.
- +

10.44. Quản trị nhân lực

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học
- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức như hoạch định nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

10.45. Quản trị chuỗi cung ứng

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Nguyên lý Marketing.
- Quản trị chuỗi cung ứng là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.

10.46. Internet Marketing

- Số tín chỉ: 3 TC
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý marketing.
- Mô tả môn học: Học phần này giúp cho sinh viên nắm những nguyên tắc và một số công cụ triển khai hoạt động marketing trên mạng internet, như: công tác nghiên cứu thị trường, triển khai hoạt động marketing trên internet.

10.47. Quản trị chiến lược

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học
- Học phần trang bị những kiến thức căn bản về nguyên lý quản trị chiến lược và việc ứng dụng nó trong thực tế như: Những khái niệm căn bản về chiến lược và quản trị chiến lược, Các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị chiến lược, Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh các hoạt động chiến lược của doanh nghiệp.

10.48. Quản trị bán hàng

- Số tín chỉ: 3
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Nguyên lý Marketing, Bán hàng căn bản.
- Học phần trang bị những kiến thức quản trị về môi trường kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; mối liên hệ giữa chiến lược kinh doanh, chiến lược marketing với quản trị bán hàng; các kiến thức về xây dựng chương trình lực lượng bán hàng, xây dựng kế hoạch bán hàng, tuyển dụng, đào tạo, và bố trí lực lượng bán hàng; lý thuyết về lựa chọn mô hình bán hàng, quản lý quan hệ khách hàng, lựa chọn kỹ năng bán hàng cho nhân viên... Về kỹ năng: Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng mô hình lực lượng bán hàng, kỹ năng tổ chức hệ thống bán hàng, kỹ năng lãnh đạo, quản lý lực lượng bán hàng, kỹ năng kiểm soát hoạt động bán hàng.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào Tạo, Phòng Khảo thí, Phòng Quản lý Chất lượng và các Phòng – Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.
- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện theo đúng qui chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

11.2. Phương pháp đào tạo:

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự đào tạo của sinh viên, đề cao và khuyến khích tính học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm, chú trọng đến thực hành các môn học chuyên ngành.
- Giảng viên phụ trách môn học xây dựng kế hoạch giảng dạy và có kế hoạch, phổ biến đến sinh viên để có hướng chuẩn bị học tích cực.
- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn học thuộc khoa quản lý như:
 - ✓ Thảo luận: giảng viên giảng dạy các nội dung cơ bản và mở rộng vấn đề, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị sinh viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.
 - ✓ Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế.
 - ✓ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ,...
- Đánh giá kết quả học tập: đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

12.1. Cơ sở vật chất của trường:

- Hiện nay, cơ sở vật chất của Trường đại học Tài chính – Marketing phục vụ cho đào tạo như sau:
- Số cơ sở đào tạo: 4 cơ sở.
 - ✓ Cơ sở 1: Số 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM;
 - ✓ Cơ sở 2: Số 2C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM;
 - ✓ Cơ sở 3: Số 458/3F Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM;
 - ✓ Cơ sở 4: Số 2/4 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP.HCM.

Cơ sở vật chất của trường

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1. Diện tích đất trường quản lý, sử dụng	ha	2,66298
– Diện tích đất trường có quyền sử dụng đất	ha	0,98378
– Diện tích đất nhà trường thuê/mượn	ha	1,6792
2. Số cơ sở đào tạo	cơ sở	04
3. Diện tích xây dựng cơ sở đào tạo	m ²	3.506
3.1. Phòng làm việc cán bộ quản lý, giảng viên	m ²	740
– Số phòng	phòng	24
– Diện tích sử dụng	m ²	740
– Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /người	
3.2. Giảng đường/phòng học	m ²	10.227
– Số phòng	phòng	119
– Diện tích sử dụng	m ²	10.227
3.3. Hội trường	m ²	1.390
– Số phòng	phòng	03
– Diện tích sử dụng	m ²	1.390
3.4. Phòng máy tính		
– Diện tích sử dụng	m ²	846
– Số máy tính sử dụng được	máy tính	660
– Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	660
3.5. Thư viện		
– Số phòng	Phòng	6
– Diện tích sử dụng	m ²	459
3.7. Ký túc xá		
– Số phòng	phòng	17
– Diện tích sử dụng	m ²	1.068
3.8. Nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m ²	3.200

Nguồn: Phòng Quản trị thiết bị

Sinh viên học lý thuyết, thảo luận nhóm tại các cơ sở:

- Cơ sở 4, 2/4 Trần Xuân Soạn, Q7, TP.HCM.

-- Cơ sở 2C Phở Quang, P1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

12.2. Thực hành các môn Tin học:

Các phòng máy tính của trường được đặt tại cơ sở (1) 2C Phở Quang (2) 2/4 Trần Xuân Soạn, bao gồm các máy tính được nối mạng và trang bị các phần mềm hiện đại, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và tiếp cận với công nghệ mới.

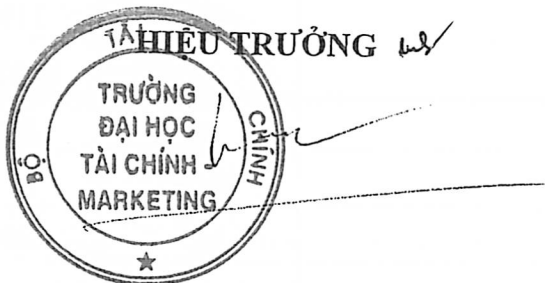
12.3. Thư viện, sách và tài liệu tham khảo:

Thư viện của trường bao gồm các cơ sở:

- Cơ sở 2/4 Trần Xuân Soạn, Q7
- Cơ sở 2C Phở Quang, P1, Q. Tân Bình, TP.HCM

Gồm có: sách, giáo trình các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2015



PGS.TS. Trần Hoàng Ngân

TRƯỜNG KHOA

ThS. Lê Đình Ngân